TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2025/HC-PT
Ngày: 18/4/2025
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ong Thân T.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh T;

Ông Ngô Tự H.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Duy K, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu M, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 14/2025/TLHC-PT ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 348/2024/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3570/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Bà Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Số nhà A (số cũ B) L, phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Phan Thị K và Luật sư Trịnh Thị H, Văn phòng L, Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

**** Người bị kiện:***

1. Chủ tịch và UBND quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Hữu T, Chức vụ: Phó chủ tịch; vắng mặt.

2. Chủ tịch UBND thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Đ - Phó Chủ tịch UBND thành phố H; vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân phường V, quận Đ, Hà Nội; vắng mặt.

2. Chị Doãn Thanh T1, sinh năm 1982; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hồng M.

3. Anh Nguyễn Thái S, sinh năm 2002; vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Số A ngõ V, phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, người khởi kiện trình bày như sau: Nguồn gốc diện tích đất 73,8m^2 là một phần thửa đất số 123 tờ bản đồ 7H-III-38 tại địa chỉ số A ngõ V, phường V, quận Đ, tp Hà Nội của gia đình có nguồn gốc do bố mẹ bà là cụ Nguyễn Ngọc T2 (Tức V) và Vũ Thị T3 (tức Lê Minh T4) sử dụng hợp pháp từ những năm 1983 để lại cho bà. Quá trình sử dụng từ đó đến nay liên tục và ổn định không có bất cứ tranh chấp nào, gia đình bà đã xây dựng nhà và cư trú ổn định trên đất, đóng đầy đủ nghĩa vụ thuế với nhà nước, theo quy định của Luật đất đai thì hoàn toàn đủ điều kiện là đất ở và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chủ tịch và UBND quận Đ ban hành các quyết định hành chính dẫn đến việc thu hồi và cưỡng chế một phần thửa đất diện tích 73,8m^2 của gia đình bà mà không có chính sách đền bù thỏa đáng.

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà đề nghị giải quyết.

Hủy Quyết định số 4128/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND quận Đ, Hà Nội về việc thu hồi đất.

Hủy Quyết định 4143/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND quận Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường dự án.

Hủy Quyết định số 539/QĐ-UBND về việc đính chính diện tích đất thu hồi tại Quyết định số 4128/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND quận Đ.

Hủy Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND quận Đ về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 4143/QĐ-UBND ngày 28/12/2020.

Hủy Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 về việc Phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư tại Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 30/9/2021.

Hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 4205/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của chủ tịch UBND quận Đ đối với một phần thửa đất số 123 (một phần) tờ bản đồ 7H-III-38 tại địa chỉ số A ngõ V, phường V, Quận Đ, Hà Nội.

Hủy Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của chủ tịch UBND quận Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

Hủy Quyết định số 5116/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần 2.

Người bị kiện Chủ tịch và UBND quận Đ trình bày:

Ngày 24/5/2019, UBND quận Đ ban hành Thông báo thu hồi đất đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Hồng M để thực hiện Dự án: Giải phóng mặt bằng khu đất tại A ngõ V và xây dựng trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường V.

Ngày 30/5/2019, Ban quản lý dự án ĐTXD quận Đ phối hợp với UBND phường V, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư tổ chức họp dân công khai thông báo thu hồi đất, kế hoạch GPMB và các Văn bản pháp lý liên quan đến từng hộ dân có đất bị thu hồi. Ngày 24/7/2019, Tổ công tác đã tổ chức điều tra hiện trạng, xác mình đất và tài sản gắn liền với đất đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Hồng M.

Ngày 30/12/2019, UBND phường V ban hành Giấy xác nhận nguồn gốc đất đối với hộ gia đình, theo đó có nội dung: "Tổng diện tích đang sử dụng: 77,9m² sử dụng trước ngày 15/10/1993 (thuộc khu đất theo quyết định số 781/QĐ-UB ngày 25/2/2000 của UBND thành phố H). Diện tích đất thu hồi: 73,8 m² sử dụng trước 15/10/1993. Diện tích đất còn lại ngoài chỉ giải GPMB: 4,1 m² đề nghị hợp khối hoặc thu hồi nốt.

Ngày 27/8/2020, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư quận Đ ban hành Thông báo số 216/TB-HĐ về việc niêm yết công khai lấy ý kiến về dự thảo phương án bồi thường đối với hộ gia đình.

Ngày 15/9/2020, Tổ công tác đã lập biên bản kết thúc công khai đối với hộ gia đình.

Căn cứ điều 66, 67, 69, 75, 82 Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc Hội: Điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: UBND quận Đ khẳng định việc ban hành các Quyết định là đúng quy định pháp luật.

Đối với UBND phường V là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tòa án thành phố Hà Nội yêu cầu cung cấp ý kiến về quan điểm khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng M nhưng không cung cấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Doãn Thanh T1, anh Nguyễn Thái S nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng M.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 348/2024/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính.

Căn cứ Điều 18, 27, 28, 29, 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

Căn cứ Điều 71, 75, 75, 82, 100 Luật Đất đai năm 2013

Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H. Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND thành phố H ban hành Quy định một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng M.

Ngoài ra, tòa án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2024, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích của người khởi kiện thống nhất trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy các quyết định hành chính bị khởi kiện đồng thời yêu cầu người bị kiện giải quyết đúng quy định pháp luật đảm bảo quyền lợi cho người khởi kiện. Về căn cứ kháng cáo: Nguồn gốc đất gia đình bà M sử dụng ổn định, có nộp thuế sử dụng đất, không có tranh chấp từ năm 1983; đã có đơn xin cấp đất được chính quyền địa phương xác nhận do đó trường hợp của bà M đã đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay, bà M không có chỗ ở nào khác nên khi tiến hành thu hồi đất, UBND quận Đ không giải quyết bồi thường và hỗ trợ tái định cư cho người khởi kiện là không phù hợp với quy định của Luật Đất đai và không đảm bảo quyền lợi của người khởi kiện

Người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa và có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của người kháng cáo trong hạn luật định, đủ điều kiện nên được xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, bội dung kháng cáo nhận thấy bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Tại quá trình xét xử phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp tài liệu mới làm thay đổi bản chất của vụ án. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 348/2024/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ngày 24/01/2022, người khởi kiện nộp đơn đến Tòa án đề nghị hủy các quyết định hành chính của người bị kiện được ban hành năm 2021 còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116, Luật Tố tụng hành chính. Đây là quyết định hành chính được ban hành trong quá trình quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Người bị kiện là Chủ tịch và UBND quận Đ; Chủ tịch UBND thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của người khởi kiện được làm và nộp trong thời hạn quy định nên hợp lệ và được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã thực hiện việc triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với các đương. Một số đương sự vắng mặt nhưng đã có văn bản xin xét xử vắng mặt hoặc có người đại diện theo ủy quyền cũng như văn bản ghi ý kiến trong quá trình xét xử. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[4] Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Xét Quyết định số 4128/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND quận Đ về việc thu hồi đất. Quyết định 4143/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND quận Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường dự án. Quyết định số 539/QĐ-UBND về việc đính chính diện tích đất thu hồi tại Quyết định số 4128/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND quận Đ. Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 và số 3118/QĐ-UBND ngày 08/10/2021.

Về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định hành chính nêu trên do Chủ tịch UBND thành phố H. Chủ tịch và U ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66, 71 Luật Đất đai 2013, Điều 18, 31 Luật Khiếu nại 2011.

Về nguồn gốc đất: Diện tích 73,8m² đất thu hồi tại số A ngõ V thuộc một phần thửa số 123 tờ bản đồ số 7H-III- 38, bản đồ địa chính phường V năm 1998 (tại Tờ bản đồ ghi: diện tích 3.299,7m², "đất trống"; tại Sổ mục kê năm 2000: thống kê tại cột "đất chưa sử dụng" ghi chú là “đường giao thông", không thể hiện tên chủ sử dụng đất, tại vị trí đất hộ bà M thể hiện không có công trình) phần diện tích đất này nằm trong diện tích 1.232,8m² đất tại A ngõ V (UBND Thành phố ban hành Quyết định thu hồi số 348/QĐ-UBND ngày 15/01/2014) có nguồn gốc đã được UBND thành phố ban hành các Quyết định giải quyết khiếu nại số 2806/QĐ-UBND ngày 15/7/2008 và số 3965/QĐ-UBND ngày 19/7/2016 về việc giải quyết đơn. Bộ T5 ban hành Quyết định số 122/QĐ-BTNMT ngày 18/01/2019 giải quyết khiếu nại (lần 2) của gia đình ông Phạm Văn H1 theo đó diện tích 1.232,8m² thuộc một phần khu đất diện tích 11.679m² tại A ngõ V, có nguồn gốc của gia đình ông Lương Ngọc H2 bàn giao qua Nhà nước đã quản lý, sử dụng từ năm 1963 sau đó, do HTX P1 sử dụng năm 1992, sau khi HTX P1 3 trả lại đất cho Nhà nước quản lý và UBND thành phố H có Giấy phép sử dụng đất số 610 UB/XDCB cho Trường đại học T6 (sau này là Trường Đại học K1) để xây dựng nhà ở cho cán bộ công nhân viên nhưng thực tế, do các cơ quan, tổ chức có liên quan buông lỏng quản lý đã để cho hộ gia đình ông Vũ B tự sử dụng, sau này là bà Nguyễn Thị Hồng M (con gái ông B1) sử dụng. Năm 2014, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 15/01/2014 thu hồi đất 1.232,8m² đất của Trường đại học K1 tự nhiên giao cho UBND quận Đ quản lý, thực hiện GPMB, chống lấn chiếm (do Trường đại học K1 tự nhiên có Văn bản số 4851/QTBV ngày 19/11/2013 xin trả lại đất cho UBND Thành phố). Vì vậy, diện tích 73,8m² đất tại A ngõ V mà bà Nguyễn Thị Hồng M đang sử dụng là đất công do UBND quận Đ quản lý.

Xem xét hồ sơ "Đơn xin đất làm nhà ở" năm 1983, "Giấy bán nhà đất" đề ngày 05/5/1985 do bà M cung cấp không phải văn bản giao đất, không phải là các tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp theo quy định của Luật Đất đai.

Theo hồ sơ địa chính của UBND phường V ngày 30/12/2019, P lấy ý kiến khu dân cư ngày 09/5/2020 và các hồ sơ liên quan, thì diện tích 73,8m² đất tại A ngõ V hộ bà M sử dụng trước ngày 15/10/1993, là đất công. Ngày 28/12/2020, UBND quận Đ ban hành Quyết định số 4128/QĐ-UBND (được đính chính tại Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 10/3/2021) thu hồi 73,8m² đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Hồng M tại địa chỉ số A ngõ V, phường V để thực hiện Dự án GPMB khu đất tại A ngõ V và xây dựng trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND phường V; cùng ngày, UBND quận Đ ban hành Quyết định số 4143/QĐ-UBND phê duyệt phương án BTHT&TĐC (điều chỉnh bổ sung phương án tại Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 và số 3118/QĐ-UBND ngày 08/10/2021), trong đó không bồi thường về đất đối với phần diện tích 73,8m² là đúng theo Điều 75, Điều 82 Luật Đất đai năm 2013.

Từ các nội dung trên việc bà Nguyễn Thị Hồng M yêu cầu hủy các Quyết định hành chính nêu trên là không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận nội dung khởi kiện của bà M là có căn cứ.

[4.2] Xét Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 4205/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của chủ tịch UBND quận Đ đối với một phần thửa đất số 123 (một phần) tờ bản đồ 7H-III-38 tại địa chỉ số A ngõ V, phường V, Quận Đ, Hà Nội.

Sau khi ban hành Quyết định thu hồi và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường gia đình bà M không đồng ý bàn giao mặt bằng thực hiện dự án. UBND phường V và UBND quận Đ đã vận động thuyết phục gia đình bà M bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án, nhưng gia đình bà M không bàn giao. Do vậy, Chủ tịch UBND quận Đ căn cứ điều 71 Luật đất đai năm 2013 ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 4205/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 là đúng quy định. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận nội dung khởi kiện của bà M là có căn cứ.

[4.3] Xét Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của chủ tịch UBND quận Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu. Quyết định số 5116/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần 2.

Xét về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: Sau khi nhận đơn khiếu nại người bị kiện đã tiến hành thụ lý đơn khiếu nại, tiến hành xác minh nội dung khiếu nại. Căn cứ vào kết quả xác minh, Chủ tịch UBND quận Đ và Chủ tịch UBND

thành phố H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 18, 27, 28, 29, 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

Về nội dung: Không đồng ý với Quyết định của UBND quận Đ bà M khiếu nại vì lý do phải được bồi thường về đất ở.

Căn cứ kết quả xác minh, đối thoại gia đình bà M không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh có quyền sử dụng đối với diện tích đất thu hồi, đối chiếu các quy định pháp luật Chủ tịch UBND quận Đ và Chủ tịch UBND thành phố H ban hành hai Quyết định giải quyết khiếu nại là đúng nội dung về nguồn gốc đất. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận nội dung khởi kiện của bà M là có căn cứ.

[5] Căn cứ nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, nội dung kháng cáo nhận thấy bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng M là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Tại quá trình xét xử phúc thẩm, người kháng cáo cung cấp một số tài liệu nhưng không làm thay đổi bản chất, nội dung của vụ án. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện cũng như quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày tại phiên tòa.

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, cần giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 348/2024/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: Đương sự là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; điểm đ, khoản 1, Điều 12-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng M.

Giữ nguyên các quyết định của Bản án án hành chính sơ thẩm số 348/2024/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị Hồng M.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ong Thân T